

Số: 185/2021/QĐST-HNGĐ

Đoan Hùng, ngày 23 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 295/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Đức T** – sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị **Trịnh Thị T1** – sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55,81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Đức T và chị Trịnh Thị T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Nguyễn Đức T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Đức K – sinh ngày 31/10/2013. Chị Trịnh Thị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Đức K1 – sinh ngày 21/9/2018. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung:

Anh Nguyễn Đức T toàn quyền quản lý, sử dụng:

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1xx, tờ bản đồ số 1x được UBND huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số BX 4084xx ngày 16/01/2015 đứng tên ông Nguyễn Đức T và bà Trịnh Thị T1 có diện tích 259m² (169m² đất ở và 90m² đất trồng cây lâu năm khác) tại Thôn 10, xã T, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

+ Các tài sản gắn liền với đất: Trên thửa đất nêu trên có 01 nhà xây cấp 4 đã cũ.

Tổng trị giá tài sản khoảng 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng).

Anh T có trách nhiệm thanh toán cho chị T số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) vào ngày 07/10/2021.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Người có nghĩa vụ thi hành án không tự nguyện thi hành án thì phải chịu trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về nợ chung, các vấn đề khác: Hai bên xác nhận không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Đức T nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2020/0002238 ngày 09/9/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Anh T được hoàn trả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đoan Hùng;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Anh Tuấn

